TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦU NGANG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2024/HNGĐ-ST
Ngày 16/12/2024
"V/v Tranh chấp ly hôn "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Tranh.
Các Hội thẩm nhân dân:
1.Ông Lê Văn Được
2.Ông Nguyễn Hoàng Nam
- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Bích Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.
***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh*:** Ông Nguyễn Tấn An, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 43/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2024 về "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 18/11/2024 và Quyết định hoãn phiên toà số 17/2024/QĐST-HNGĐ ngày 04/12/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Kim Nhật L, sinh năm 2000. Địa chỉ: Ấp S, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Xin xét xử vắng mặt

Bị đơn: Chị Thạch Thị Hương M, sinh năm 1996. Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai tại Tòa án nguyên đơn anh Kim Nhật L *trình bày yêu cầu như sau:*

- Về hôn nhân: Vào năm 2022 anh và Thạch Thị Hương M có quen nhau và cùng nhau tiến tới hôn nhân, năm 2023 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Thời gian chung sống vợ chồng hay cãi nhau về tiền bạc, sống chung không hạnh phúc nên đã ly thân khoảng 3-4 tháng nay. Nay anh thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh yêu cầu được ly hôn với Thạch Thị Hương M.

-Về con chung: Không có

- Về tài sản chung: Khi cưới cha mẹ anh cho vợ chồng 07 chỉ vàng 24k gồm vòng cổ, đôi bông, để vợ chồng làm vốn làm ăn. Hiện tại vợ anh đang quản lý, anh yêu cầu chia đôi, tính bằng tiền là 26.600.000 đồng.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo lời khai tại Tòa án bị đơn Thạch Thị Hương M *trình bày yêu cầu như sau:*

- Về hôn nhân: Theo anh L trình bày là đúng, tuy nhiên về mâu thuẫn do anh L đi làm công ty được vài ngày thì nghĩ và chuyển công ty khác nên hay thất nghiệp, hai vợ chồng ở Bình Dương không có tiền phải bán vàng cha mẹ cho (lúc cưới cho 01 đôi bông vàng 24K 01 chỉ, 03 vòng cổ 06 chỉ vàng 24K) vợ chồng chi xài đã hết. Nay anh L không còn thương chị nữa và yêu cầu ly hôn thì chị chấp nhận ly hôn.

- Về tài sản chung: Vàng 07 chỉ vàng 24K, đã bán chi xài hết trong thời gian vợ chồng sống chung nên chị không đồng ý chia theo yêu cầu của anh L.

- Về con chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán từ khi thụ lý hồ sơ vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình cho anh L ly hôn chị M. Về con chung: Không có. Về tài sản chung: Khi ly hôn anh L yêu cầu chia đôi số vàng cưới tính thành tiền là 26.600.000 đồng, sau đó anh L rút lại không yêu cầu chia nên đề nghị đình chỉ theo quy định tại Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự; về nợ chung: Không tranh chấp nên không xem xét. Về án phí anh L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà. Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa anh L và chị M là tranh chấp về ly hôn và chia tài sản sau khi ly hôn; bị đơn cư trú tại huyện C, tỉnh Trà Vinh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Tại phiên tòa hôm nay, anh L xin xét xử vắng mặt, chị Thạch Thị Hương M đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ vào Điều

227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh L, chị M.

[2] Về nội dung:

Về hôn nhân: Anh Kim Nhật L và chị Thạch Thị Hương M chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh vào ngày 04/4/2023 là đúng quy định pháp luật. Căn cứ vào Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình, xác định hôn nhân của anh L và chi M là hợp pháp.

Xét yêu cầu của anh L xin ly hôn chị M, theo lời khai của anh L và chị M thì sau khi cưới nhau vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cải nhau, do bất đồng quan điểm sống, sau đó ly thân, thời gian ly thân thì vợ chồng không bàn bạc việc đoàn tụ, không quan tâm đến cuộc sống của nhau, tình cảm vợ chồng không còn nên không thể hàn gắn đoàn tụ được. Anh L1 xin được ly hôn và chị M chấp nhận ly hôn theo yêu cầu của anh L1. Nhận thấy, mâu thuẫn giữa anh L1 và chị M là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh L1 xin ly hôn, chị M chấp nhận ly hôn theo yêu cầu của anh L1 là tự nguyện nên Toà chấp nhận cho anh L1 được ly hôn chị M là có căn cứ, phù hợp theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Anh Kim Nhật L và chị Thạch Thị Hương M không có con chung nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Theo đơn khởi kiện anh L yêu cầu chia đôi tài sản chung là vàng cho trong ngày cưới là 07 chỉ vàng 24K, anh L yêu cầu chia đôi tính thành tiền là 26.600.000 đồng. Quá trình giải quyết anh L xin rút lại không yêu cầu chia là tự nguyện nên Hội đồng xét xử đình chỉ không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Anh L1 và chị M không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí: Anh Kim Nhật L phải chịu án phí theo quy định.

[4] Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa như nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 217; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51; 56; 57 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Anh Kim Nhật L được ly hôn chị Thạch Thị Hương M.
- Về con chung: Không có
- Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của anh Kim Nhật L.

- Về nợ chung: Anh L1 và chị M không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Anh Kim Nhật L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0011329 ngày 16/9/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang. Hoàn trả cho anh L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 665.000 đồng theo biên lai thu số 0011328 ngày 16/9/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Ngang;
- Chi cục THADS huyện Cầu Ngang;
- Các đương sự;
- UBND xã Thuận Hoà;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Tranh